

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2025

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Tân**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Phước Tường**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 699/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Tô Văn C**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh T.

(Anh C có mặt, chị P vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn anh Tô Văn C tại đơn khởi kiện trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã ly thân. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị P nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: có 02 con chung Tô Minh Cảnh sinh năm 2000 và Tô Minh Nhựt sinh năm 2006 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị P đã được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị P dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Văn C và chị Nguyễn Thị P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh C xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường hay cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay và không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Đối với chị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc anh C xin ly hôn chứng tỏ chị không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho anh C được ly hôn với chị P là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Tô Văn C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

1. Về hôn nhân: Cho anh Tô Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.
2. Về án phí: Anh Tô Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0016264 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị P thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Tân**